

Số: 819 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh chương trình lập pháp năm 2025, Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Giáo dục và đào tạo luôn được Đảng và Nhà nước xác định là quốc sách hàng đầu; được thể chế hóa bằng nhiều chủ trương, chính sách lớn đặc biệt trong những năm gần đây nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, xây dựng và phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng. Trong định hướng phát triển đất nước, Đảng ta đã xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược. Quan điểm này tiếp tục được khẳng định và cụ thể hóa trong các nghị quyết quan trọng thời gian gần đây tại các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/7/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo¹;

- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư, Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân²;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật³;

¹ Trong đó xác định rõ giáo dục đào tạo là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

² Nhấn mạnh yêu cầu phát triển nhân lực phục vụ kinh tế tư nhân, thúc đẩy hợp tác đào tạo với doanh nghiệp

³ Đề cập yêu cầu hoàn thiện thể chế phát triển nhân lực, đặc biệt gắn với đổi mới giáo dục - đào tạo

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới⁴;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia⁵;

Nội dung những nghị quyết này đều nhấn mạnh yêu cầu phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực chất lượng cao, coi đây là nhân tố quyết định để thực hiện các mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đây cũng chính là cơ sở chính trị quan trọng, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải sửa đổi Luật Giáo dục đại học nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương lớn của Đảng; tạo hành lang pháp lý đồng bộ, hiện đại; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò trung tâm của giáo dục đại học trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia (chi tiết tại Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật kèm theo).

Việc sửa đổi còn nhằm bảo đảm thể chế hóa quy định của Hiến pháp (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025) và bảo đảm sự thống nhất với các luật mới ban hành như Luật Nhà giáo, Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo...

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Giáo dục đại học năm 2012 (Luật số 08/2012/QH13) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 (Luật số 34/2018/QH14) đã tạo hành lang pháp lý mở rộng quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế; nguồn nhân lực được đào tạo đã và đang đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việt Nam đã có các trường đại học thuộc nhóm 500 trường đại học hàng đầu thế giới, nhóm 300 trường đại học hàng đầu Châu Á trên các bảng xếp hạng uy tín thế giới. Hiện nay, hệ thống giáo dục đại học có 277 cơ sở GDĐH, 02 đại học quốc gia, 03 đại học vùng, 31 trường học viện thuộc khối lực lượng vũ trang. Phân loại theo cơ quan quản lý trực tiếp, cả nước có 172 cơ sở GDĐH trực thuộc các bộ, ngành, cơ quan trung ương, tập đoàn nhà nước và 26 cơ sở GDĐH trực thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và 67 cơ sở GDĐH tư thục⁶. Phát huy tự chủ đại học, các cơ sở GDĐH đã chủ động trong huy động các nguồn lực, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đội ngũ giảng viên, mở thêm ngành đào tạo và tăng quy mô đào tạo để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và của thị trường lao động. Quy mô tuyển sinh và đào tạo của hệ thống cơ sở GDĐH có sự gia tăng rõ rệt từ năm 2014 đến nay. Tổng quy mô đào tạo trình độ đại học năm 2025 đạt 2,34 triệu sinh viên, tăng 37% so với năm 2019 và đạt 225 sinh viên trên một vạn dân⁷, trong đó tỉ trọng quy mô đào tạo khối tư thục tăng từ 18,8% lên trên 22%.

⁴ Đề cao năng lực nội sinh, trong đó nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt để chủ động hội nhập

⁵ Nhấn mạnh vai trò nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực STEM, đổi mới sáng tạo, quản trị số

⁶ Trong đó có 5 cơ sở GDĐH có vốn nước ngoài.

⁷ Với tốc độ tăng trưởng này, mục tiêu đặt ra trong Quy hoạch tổng thể quốc gia tới năm 2030 là 260 sinh viên trên một vạn dân sẽ đạt được.

Điều này phản ánh hệ thống GDĐH, trong đó có khối tư thực đã có chuyển biến tốt về chất lượng đào tạo, củng cố niềm tin và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và của xã hội. Những kết quả này khẳng định GDĐH Việt Nam trong giai đoạn vừa qua đã đạt được những thành tựu quan trọng cả về quy mô, chất lượng và vị thế quốc tế.

Tuy nhiên, sau hơn 13 năm thực hiện Luật số 08/2012/QH13 và 07 năm triển khai Luật số 34/2018/QH14, quá trình thi hành Luật Giáo dục đại học vẫn bộc lộ nhiều khó khăn, vướng mắc. Một phần xuất phát từ hạn chế trong nhận thức, năng lực tổ chức thực hiện ở các cơ sở giáo dục đại học và cơ quan quản lý trực tiếp; một phần bắt nguồn từ những quy định pháp lý chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn phát triển. Một số chính sách trong Luật chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của kinh tế - xã hội, của khoa học và công nghệ cũng như xu thế hội nhập quốc tế. Một số quy định còn bất cập, thiếu tính khả thi hoặc chưa phát huy đầy đủ vai trò dân chủ, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội trong cơ sở giáo dục đại học; chưa đáp ứng được yêu cầu mới về quản trị đại học, liên kết đào tạo, tích hợp nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và học tập suốt đời. Ngoài ra, hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học như luật về đầu tư, tài chính, ngân sách, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thi đua - khen thưởng, công chức - viên chức... hiện nay đang tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện, trong khi Luật Giáo dục đại học chưa được cập nhật, dẫn đến thiếu đồng bộ và sẽ gây khó khăn trong áp dụng pháp luật trên thực tế.

Do đó, việc sửa đổi Luật Giáo dục đại học là cần thiết nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, Chính phủ và Quốc hội trong giai đoạn mới; tháo gỡ những điểm nghẽn về thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học; tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật Giáo dục đại học hiện hành, bảo đảm phát triển hệ thống giáo dục đại học hiện đại, tự chủ, trách nhiệm giải trình, chất lượng, hội nhập và sáng tạo.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

a) Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về đột phá chiến lược và hiện đại hóa giáo dục đại học; phát triển giáo dục đại học trở thành động lực quan trọng trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tiên phong trong hoạt động khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế.

b) Tháo gỡ các điểm nghẽn, bất cập trong quá trình thi hành Luật hiện hành; bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật về giáo dục đại học theo hướng đầy đủ, đồng bộ và thống nhất; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xây dựng và hoàn thiện mô hình quản trị đại học tiên tiến, phù hợp với điều kiện chính trị, văn hóa và con người Việt Nam.

c) Đào tạo tinh hoa, đào tạo chất lượng cao để nâng tầm trí tuệ Việt Nam; đào tạo đại trà nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu nhân lực và phát huy sức mạnh nội sinh; thiết lập hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học để thực hiện sứ mệnh phát triển nguồn nhân lực trình độ cao gắn với nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

d) Khơi thông cơ chế, chính sách để huy động tối đa các nguồn lực công và tư, giải phóng tiềm lực và sức sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học; phát triển hệ thống hạ tầng, đầu tư đồng bộ, ứng dụng công nghệ tiên tiến, tạo bước phát triển bứt phá về quy mô và chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước.

2. Quan điểm

a) Thể chế hóa đầy đủ và kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện, hiện đại hóa và đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật và những nội dung liên quan khác về giáo dục và đào tạo cũng như các chính sách liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Đổi mới tư duy về quản lý nhà nước; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị theo mục tiêu, chất lượng và hiệu quả; tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình; tăng cường phân quyền phân cấp; cắt giảm thủ tục hành chính; tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, bình đẳng cho cả hệ thống giáo dục đại học công lập và tư thục cạnh tranh và phát triển bình đẳng. Tháo gỡ các điểm nghẽn, bất cập trong quá trình thi hành Luật hiện hành; bổ sung hoàn thiện đầy đủ, đồng bộ và thống nhất hệ thống pháp luật về GDDH nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện mô hình quản trị đại học tiên tiến phù hợp với hệ thống chính trị, xã hội, văn hóa và con người Việt Nam.

c) Xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường thuận lợi để giáo dục đại học phát triển lành mạnh, vững chắc, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên thịnh vượng và hùng cường của dân tộc.

d) Tiếp cận toàn diện, nhưng có trọng tâm, trọng điểm; kế thừa và phát triển các chính sách ưu việt đã được kiểm chứng trong thực tiễn; tập trung tháo gỡ các “điểm nghẽn” thể chế và triển khai, mở rộng không gian cho đổi mới sáng tạo; lấy chất lượng đào tạo làm trục xuyên suốt trong toàn bộ hệ thống giáo dục đại học.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Chính phủ đã chỉ đạo tổ chức thực hiện quy trình xây dựng dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) theo hai bước.

1. Xây dựng hồ sơ chính sách Luật

Trên cơ sở tổng hợp, nghiên cứu và đề xuất của cơ quan chủ trì soạn thảo, Chính phủ đã thông qua 06 nhóm chính sách chính tại Nghị quyết số 191/NQ-CP ngày 26/6/2025 tại phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 6 năm 2025.

2. Xây dựng hồ sơ dự thảo Luật

Chính phủ đã chỉ đạo, tổ chức xây dựng dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như sau:

- (1) Tổng kết đánh giá thi hành Luật GDĐH hiện hành.
- (2) Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập soạn thảo dự án Luật.
- (3) Tổ chức các hoạt động phục vụ soạn thảo dự án Luật như: tham khảo kinh nghiệm một số nước trên thế giới; tổ chức các hội thảo, tọa đàm với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành cơ quan ngang Bộ, cơ sở GDĐH, các chuyên gia, nhà khoa học.
- (4) Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự thảo Luật: đăng tải hồ sơ dự thảo Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ; gửi văn bản lấy ý kiến các bộ, ngành và cơ quan, tổ chức liên quan, lấy ý kiến phản biện xã hội và thực hiện tiếp thu, giải trình theo quy định.
- (5) Gửi Hồ sơ dự án Luật đến Bộ Tư pháp thẩm định và tiếp thu ý kiến thẩm định, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật.
- (6) Đăng tải Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, ý kiến phản biện xã hội lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- (7) Gửi lấy ý kiến Thành viên Chính phủ và tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Luật.
- (8) Giao Bộ GDĐT hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo Nghị quyết số 223/NQ-CP ngày 31/7/2025 về Phiên họp Chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2025. Ngày 01/8/2025, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thay mặt Chính phủ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình số 668/TTr-CP trình Quốc hội dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi).
- (9) Tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo kết luận số 3001/TB-VPQH ngày 18/8/2025 và ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội tại Báo cáo số 883/BC-UBVHXH15 ngày 12/8/2025 về dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi); cập nhật và thể chế hóa Nghị quyết số 71/NQ-TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, hoàn thiện dự thảo Luật.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này điều chỉnh các vấn đề về tổ chức, hoạt động và quản lý giáo dục đại học; xác định quyền, nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục đại học (gồm các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học) và trách nhiệm của Nhà nước đối với sự phát triển của giáo dục đại học.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật gồm 9 chương, 46 điều, giảm 27 điều so với Luật Giáo dục đại học hiện hành. Các quy định được cấu trúc lại theo hướng rõ ràng, mạch lạc, loại bỏ trùng lặp, bảo đảm tinh gọn và phù hợp với tính chất của một đạo luật khung. Cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung (14 điều) liên quan đến phạm vi, đối tượng áp dụng, nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước; chính sách, chiến lược phát triển giáo dục đại học; chuẩn cơ sở giáo dục đại học; sứ mệnh của các cơ sở giáo dục đại học, quyền và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học, nhấn mạnh quyền tự chủ là quyền pháp định gắn với trách nhiệm giải trình; ứng dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với chuyển đổi số và hội nhập, quy định về đại học quốc gia và đại học vùng.

Chương II. Tổ chức về quản trị cơ sở giáo dục đại học (6 điều) gồm những nội dung cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục công lập và tư thục, hội đồng trường đại học tư thục, hội đồng khoa học đào tạo, các đơn vị cấu thành cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu và địa điểm đào tạo.

Chương III. Hoạt động đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học (6 điều) bao gồm những quy định về đăng ký hoạt động giáo dục đại học, chuẩn chương trình, xây dựng, phê duyệt, tuyển sinh và và tổ chức đào tạo bậc đại học, sau đại học.

Chương IV. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (2 điều) quy định các nhóm chính sách và các hoạt động phát triển tiềm lực khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Chương V. Giảng viên, nhân viên và người học (4 điều) bao gồm quy định về giảng viên đại học, giảng viên đồng cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, nghiên cứu viên, trợ giảng; giáo sư và phó giáo sư; quyền và nhiệm vụ của giảng viên người học; nhân sự hỗ trợ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; quyền và trách nhiệm của người học trong hoạt động giáo dục đại học.

Chương VI. Bảo đảm và kiểm định chất lượng (5 điều) quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, văn hóa chất lượng, tiêu chuẩn (tự) đánh giá và kiểm định chất lượng, xếp hạng đại học; yêu cầu về tiền kiểm đối với các ngành và lĩnh vực đặc thù.

Chương VII. Tài chính, tài sản (5 điều) bao gồm các chính sách riêng, ưu đãi về tài chính, đầu tư, tài sản của hệ thống giáo dục đại học; các quy định phân bổ

ngân sách, vốn vay và đầu tư trong giáo dục đại học; quy định về tài chính và quản lý, khai thác, sử dụng tài sản của cơ sở giáo dục công lập và tư thục; học phí và các khoản thu dịch vụ khác của cơ sở giáo dục.

Chương VIII. Hợp tác và đầu tư trong giáo dục đại học (2 điều) quy định về hoạt động hợp tác, đầu tư và liên kết đào tạo trong hoạt động giáo dục đại học. Hoạt động hợp tác chia sẻ nguồn lực, tham gia các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; liên kết đào tạo cấp bằng hoặc chứng chỉ.

Chương IX. Điều khoản thi hành (2 điều).

Trong tổng số 46 điều của dự thảo Luật có:

- 15 điều (32%) kế thừa quy định hiện hành, giữ ổn định những nội dung mang tính nguyên tắc và nền tảng như phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, chính sách của Nhà nước, quản lý nhà nước, một số quy định về tài chính, tài sản, văn bằng, hình thức và phương thức đào tạo; chỉnh sửa kỹ thuật lập pháp, không thay đổi nội dung cốt lõi.

- 22 điều (48%) sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành, điều chỉnh và hoàn thiện các quy định liên quan đến quyền tự chủ đại học, trách nhiệm giải trình, tổ chức bộ máy (hội đồng trường tư thục, hội đồng khoa học), tổ chức và chương trình đào tạo, tuyển sinh, kiểm định chất lượng, tài chính, đội ngũ giảng viên... nhằm bảo đảm phù hợp hơn với thực tiễn và các chủ trương, định hướng phát triển.

- 09 điều (20%) là quy định mới bổ sung các nội dung mới quan trọng tự chủ đại học, mô hình giáo dục đại học số, đào tạo nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chính sách thu hút nhân tài, học phí và cơ chế hỗ trợ người học... để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới..

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

3.1. Những điểm thay đổi căn bản

Dự thảo Luật có những điểm đột phá so với Luật hiện hành gồm:

a) Định vị vai trò tiên phong của giáo dục đại học (GDĐH), kiến tạo chính sách cho các cơ sở GDĐH đột phá, đi đầu trong đổi mới sáng tạo; đào tạo tinh hoa, đào tạo chất lượng cao và cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ phát triển đất nước, nhân loại;

b) Khẳng định quyền tự chủ là quyền pháp định, tăng tính chủ động gắn với trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH;

c) Đột phá về quản trị và phương thức quản lý nhà nước, hoàn thiện mô hình quản trị ở từng cơ sở GDĐH theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp; quản lý nhà nước chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, ứng dụng công nghệ số và tiêu chuẩn chất lượng để quản lý toàn hệ thống;

d) Mở rộng, đa dạng hóa nguồn lực và bảo đảm công bằng giữa các chủ thể tham gia hoạt động GDĐH; tạo cơ chế chính sách đột phá huy động mọi nguồn

lực, kiến tạo môi trường phát triển, sân chơi cạnh tranh bình đẳng giữa công lập và tư thực.

3.2. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện

a) Những vấn đề chung

Dự thảo Luật chi tiết hóa 06 nhóm chính sách của dự án Luật GDDH về hoạt động GDDH được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết 191/NQ-CP ngày 26/6/2025; tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; đại học quốc gia và đại học vùng, quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân tham gia GDDH; trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý và phát triển GDDH; cơ chế bảo đảm chất lượng và hội nhập quốc tế; phát triển đội ngũ, tài chính và điều kiện bảo đảm cho GDDH. Đồng thời, hoàn thiện các quy định liên quan đến giải thích từ ngữ; bảo đảm sự thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật, làm rõ các thuật ngữ mới hoặc những từ ngữ sẽ được sử dụng trong các văn bản dưới luật, ví dụ: hoạt động giáo dục, cơ cấu tổ chức cơ sở GDDH, chương trình đào tạo, ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù, tài sản công...

Quy định quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của cơ sở GDDH, cơ sở giáo dục có hoạt động GDDH; các nguyên tắc hoạt động GDDH, chính sách lớn ưu tiên phát triển giáo dục đại học, đón đầu các công nghệ giáo dục hiện đại; chiến lược phát triển GDDH, ứng dụng công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số.

b) Những vấn đề thuộc quản trị đại học và quản lý nhà nước

Dự thảo Luật xác lập vị trí pháp lý đối với một số cơ sở giáo dục đang hoạt động như cơ sở GDDH; hoàn thiện cơ chế tự chủ đại học gắn với nâng cao năng lực quản trị của các cơ sở GDDH và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; không thành lập hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục công lập; phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức Đảng trong cơ sở GDDH công lập, đặc biệt là trong chỉ đạo các vấn đề chiến lược, công tác cán bộ và phân bổ nguồn lực; đồng thời tạo dựng môi trường kiến tạo, không gian phát triển bình đẳng cho cả giáo dục công lập và tư thực.

Những điều chỉnh về phương thức quản lý nhà nước đối với hoạt động của các cơ sở GDDH, tối ưu hóa hoạt động của hệ thống GDDH để quản lý hoạt động đào tạo, mở ngành và chương trình đào tạo; quản lý thống nhất các địa điểm đào tạo của cơ sở GDDH hoạt động đảm bảo chất lượng.

c) Những vấn đề liên quan đến tổ chức đào tạo của cơ sở GDDH

Dự thảo Luật điều chỉnh các quy định liên quan đến chương trình đào tạo nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng số; hoàn thiện chính sách bồi dưỡng nhân tài, đào tạo chất lượng cao, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng yêu cầu của bối cảnh toàn cầu hóa trong GDDH và thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thích ứng với tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số đến cơ cấu ngành nghề và yêu cầu năng lực của người lao động;

thay đổi phương thức tổ chức đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập cá thể hóa và học tập suốt đời. Bên cạnh đó, dự thảo Luật quy định rõ việc tiền kiểm đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các ngành đào tạo giáo viên, sức khỏe, pháp luật; đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, mở rộng cơ hội tiếp cận các trình độ đào tạo của cơ sở GDĐH, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng và học tập suốt đời của người học; quản lý chất lượng đào tạo đối với mọi hình thức và phương thức đào tạo, bao gồm chính quy, từ xa, liên kết trong nước và quốc tế.

d) Những vấn đề về hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Dự thảo Luật khẳng định cơ sở GDĐH là tổ chức nghiên cứu và phát triển, đồng thời là trung tâm đổi mới sáng tạo của quốc gia; sửa đổi, bổ sung các quy định và chính sách ưu tiên đầu tư, giao nhiệm vụ cho các cơ sở GDĐH; thúc đẩy gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đổi mới sáng tạo với đào tạo chất lượng cao và phát triển nhân tài. Mục tiêu là nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc tăng cường hoạt động nghiên cứu, trải nghiệm và sáng tạo của người học; phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, trình độ và năng suất của đội ngũ giảng viên; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, đặc biệt là trình độ tiến sĩ và các lĩnh vực trọng điểm; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo của các cơ sở GDĐH, góp phần nâng cao vị thế và chất lượng của hệ thống GDĐH quốc gia.

đ) Những nội dung liên quan đến người dạy, người học

Dự thảo Luật quy định hệ thống chức danh giảng viên phù hợp với Luật Nhà giáo, với khung chức danh viên chức, đồng thời bổ sung quy định riêng đối với các chức danh giảng viên trong cơ sở GDĐH tư thục; sửa đổi quy định về nhiệm vụ và quyền của giảng viên theo hướng thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển chuyên môn, làm căn cứ cho việc quản lý, đánh giá hiệu quả đội ngũ giảng viên. Bên cạnh đó, dự thảo làm rõ quyền tự chủ của cơ sở GDĐH trong tuyển dụng và quản lý giảng viên, nhằm đáp ứng các yêu cầu đặc thù, giảng viên đồng cơ hữu, tháo gỡ vướng mắc trong việc tuyển dụng giảng viên là người nước ngoài. Đồng thời, bổ sung quy định về xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, liêm chính và cơ chế xử lý vi phạm liên quan đến liêm chính khoa học, tự do học thuật học thuật.

e) Những vấn đề về bảo đảm chất lượng đào tạo

Dự thảo Luật quy định rõ yêu cầu kiểm định chất lượng đối với cơ sở GDĐH và chương trình đào tạo, đặc biệt với một số nhóm ngành đặc thù; thúc đẩy xây dựng văn hóa đảm bảo chất lượng bên trong mỗi cơ sở GDĐH, tăng cường quản trị chất lượng nội bộ kết hợp với đánh giá ngoài một cách thực chất. Đồng thời, dự thảo sửa đổi quy định về kiểm định chất lượng theo hướng không bắt buộc, nhưng gắn với mức độ tự chủ, khắc phục tình trạng kiểm định hình thức, đề cao quá mức kết quả kiểm định mà không phản ánh đúng chất lượng

thực tế; tạo động lực cho các cơ sở GDĐH nâng cao chất lượng trên nền tảng tự đánh giá, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

g) Những vấn đề liên quan đến tài chính và tài sản trong các cơ sở giáo dục

Dự thảo Luật quy định phân bổ ngân sách chi đầu tư theo chiến lược và định hướng phát triển GDĐH, dựa trên chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ sở GDĐH; tạo lập cơ chế cạnh tranh bình đẳng để khuyến khích các cơ sở GDĐH nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả quản trị. Đồng thời, phân bổ nguồn lực theo các nhiệm vụ ưu tiên của Nhà nước; huy động hiệu quả các nguồn lực cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo nhằm giải quyết các khó khăn về cơ sở vật chất và nguồn lực nghiên cứu tại các cơ sở GDĐH. Dự thảo cũng bổ sung các chính sách về học phí và hỗ trợ tài chính cho người học, bảo đảm công bằng trong tiếp cận GDĐH và khuyến khích học tập suốt đời.

h) Nhóm vấn đề về hợp tác và đầu tư nước ngoài

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chính sách về hợp tác, đầu tư và tài trợ cho GDĐH nhằm triển khai hiệu quả các hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo; xóa bỏ rào cản đối với đầu tư tư nhân trong phát triển giáo dục đại học, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia. Đồng thời, sửa đổi quy định về hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế trong việc thành lập phân hiệu đại học, bảo đảm phù hợp với yêu cầu hội nhập và phát triển của hệ thống GDĐH.

3.3. Những nội dung bổ sung:

a) Nhóm vấn đề chung

Dự thảo Luật bổ sung quy định về chuẩn cơ sở GDĐH, chính sách đào tạo và chính sách ứng dụng công nghệ tiên tiến, giáo dục đại học số nhằm thích ứng với xu thế chuyển đổi số và đổi mới giáo dục. Lí do: việc quy định các chuẩn này là cơ sở để chuyển từ phương thức quản lý tiền kiểm sang hậu kiểm, tăng cường tính tự chủ cho cơ sở GDĐH đi đôi với trách nhiệm giải trình; đồng thời tạo hành lang pháp lý thúc đẩy triển khai giáo dục đại học số, nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng cơ hội học tập linh hoạt và suốt đời cho người học.

b) Nhóm vấn đề về quản trị đại học

Bổ sung quy định mở rộng phạm vi áp dụng đối với các cơ sở GDĐH không thuộc đối tượng quản lý nhà nước theo Luật hiện hành, như viện nghiên cứu, trường bồi dưỡng, học viện có hoạt động đào tạo trình độ đại học và sau đại học, nhằm bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước và kiểm soát chất lượng đào tạo trong toàn hệ thống. Bổ sung quy định cụ thể về quyền và nhiệm vụ của hiệu trưởng; đồng thời quy định rõ thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, chuyển, bãi miễn hiệu trưởng nhằm tăng cường trách nhiệm, tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý, điều hành cơ sở GDĐH. Dự thảo bỏ cơ cấu hội đồng trường trong cơ sở GDĐH công lập để bảo đảm quản lý thống nhất, khắc phục những bất cập trong mối quan hệ giữa hội đồng trường công lập và ban giám hiệu thời gian qua, đồng thời tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong các cơ sở GDĐH công lập.

c) Nhóm vấn đề về hoạt động đào tạo

Bổ sung các quy định về giáo dục số, đào tạo theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ; quy định chuẩn chương trình đào tạo trong giáo dục số và cơ chế phê duyệt chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm bảo đảm chất lượng và tính định hướng trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Đồng thời, bổ sung chính sách cấp học bổng toàn phần cho nghiên cứu sinh và người học trong các ngành được Nhà nước đặt hàng. Lí do: những quy định này đón đầu xu thế công nghệ giáo dục mới, phát triển nguồn nhân lực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong các ngành khoa học mũi nhọn, công nghệ kỹ thuật then chốt; tạo điều kiện tiếp cận công nghệ giáo dục hiện đại, tăng cường quyền tự chủ và nâng cao chất lượng đào tạo ở trình độ tiến sĩ.

Dự thảo Luật bổ sung các quy định về ứng dụng công nghệ và mở rộng hoạt động GDDH trên không gian số, nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc tổ chức đào tạo trực tuyến và tích hợp công nghệ trong quá trình dạy - học. Lí do: thực hiện bảo đảm chất lượng đào tạo trong môi trường số, thúc đẩy liên kết, hợp tác đào tạo giữa các cơ sở GDDH, đồng thời khuyến khích chia sẻ và sử dụng chung nguồn lực, nội dung, hạ tầng kỹ thuật và dữ liệu trên không gian số, góp phần nâng cao hiệu quả và tính mở của hệ thống giáo dục đại học.

d) Nhóm vấn đề về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo

Dự thảo Luật bổ sung các quy định mới nhằm xác định rõ vai trò của cơ sở GDDH là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa nhà trường, doanh nghiệp và địa phương trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao tri thức. Quy định này nhằm thể chế hóa tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, đặc biệt là đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn, các ngành khoa học mũi nhọn, công nghệ kỹ thuật then chốt; đồng thời phát huy sức mạnh tập thể của các cơ sở GDDH trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Nhóm vấn đề về giảng viên và người học

Bổ sung chính sách phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học xuất sắc, chính sách đặc thù cho nhà khoa học đầu ngành; cơ chế đãi ngộ và thu hút tài năng trong và ngoài nước, gắn với hiệu quả nghiên cứu, công bố quốc tế. Lí do: phát huy quyền tự chủ đại học của cơ sở giáo dục được quyền thuê đội ngũ giảng viên, nhà khoa học xuất sắc và thể chế hóa Nghị quyết 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

e) Nhóm vấn đề bảo đảm và kiểm định chất lượng

Bổ sung về cách tiếp cận toàn diện theo hướng quản trị chất lượng, kết quả đầu ra, phát triển văn hóa chất lượng trong cơ sở GDDH; đổi mới cơ chế đánh giá, giám sát chất lượng gắn với chuẩn dữ liệu mở, minh bạch. Tích hợp các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo trong quy định về đăng ký hoạt động đào tạo trên môi trường số. Lí do: thống nhất quản lý và bảo đảm chất lượng đối với mọi

phương thức tổ chức đào tạo; bảo đảm chất lượng đào tạo. Thay đổi từ tiếp cận số lượng chương trình kiểm định sang quản trị chất lượng sản phẩm đào tạo.

g) Nhóm vấn đề về tài sản, tài chính

Đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao theo kết quả đầu ra (bao gồm cả đào tạo giáo viên, đào tạo nâng cao trình độ giảng viên), nhằm giải quyết hiệu quả các vướng mắc trong đặt hàng, giao nhiệm vụ theo đầu vào; thúc đẩy các cơ sở giáo dục cạnh tranh theo chất lượng và hiệu quả đào tạo thực chất. Lí do: quy định nguyên tắc, mục đích của cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ áp dụng cho đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có địa chỉ sử dụng; cơ sở đào tạo được trả kinh phí hỗ trợ đào tạo theo số lượng người làm việc (hoặc học tiếp) theo địa chỉ sử dụng, được chủ động sử dụng kinh phí để tăng cường năng lực đào tạo hoặc hỗ trợ bổ sung học bổng cho người học.

Giao quyền tự chủ cho các cơ sở GDĐH công lập trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực ngoài ngân sách. Lí do: khắc phục những vướng mắc trong quy trình, thủ tục xin phê duyệt các dự án hợp tác với nước ngoài; tạo động lực cho các cơ sở GDĐH hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước để tăng cường thu hút các nguồn lực, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

Quy định rõ hơn về các hoạt động hợp tác, đầu tư và tài trợ cho GDĐH để giải quyết những vướng mắc trong thủ tục liên quan; khắc phục việc tăng chi phí đào tạo, dẫn tới tăng học phí của người học do các loại thuế.

h) Nhóm vấn đề về hợp tác và đầu tư nước ngoài

Dự thảo Luật bổ sung các chính sách về hoạt động hợp tác và liên kết trong và ngoài nước nhằm mở rộng không gian phát triển cho các cơ sở GDĐH, thúc đẩy trao đổi học thuật, chuyển giao tri thức và hội nhập quốc tế. Các quy định mới tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết lập, triển khai các chương trình liên kết đào tạo, nghiên cứu chung, công nhận tín chỉ, trao đổi giảng viên, người học và phát triển phân hiệu ở nước ngoài hoặc hợp tác thành lập phân hiệu trong nước với đối tác quốc tế; đồng thời bảo đảm kiểm soát chất lượng, quyền lợi người học và phù hợp với định hướng phát triển của hệ thống GDĐH của Việt Nam.

3.4. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Hợp nhất 4 thủ tục gồm thành lập phân hiệu, cho phép hoạt động, hoạt động trở lại của trường đại học và phân hiệu thành một thủ tục đăng ký hoạt động.

Hợp nhất 2 thủ tục gồm cấp phép hoạt động của cơ sở GDĐH có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở GDĐH nước ngoài thành một thủ tục đăng ký hoạt động của cơ sở GDĐH có yếu tố nước ngoài.

Hợp nhất 3 thủ tục gồm phê duyệt, gia hạn, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo thành một thủ tục đăng ký thực hiện chương trình đào tạo liên kết.

Giảm lược thủ tục mở ngành bằng đăng ký thực hiện chương trình đào tạo. Lược bỏ các quy định về tiêu chí, quy trình xác định chỉ tiêu tuyển sinh, thay bằng thực hiện theo chuẩn cơ sở GDĐH, chuẩn chương trình đào tạo, bảo đảm tính minh

bạch, trách nhiệm giải trình, đồng thời giảm thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các cơ sở GDĐH chủ động đáp ứng nhu cầu nhân lực và xu thế phát triển.

3.5. Nội dung phân quyền, phân cấp

Chính phủ ban hành những chính sách, chiến lược phát triển giáo dục quốc gia; các vấn đề chung thuộc liên ngành, liên bộ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao quản lý nhà nước về GDĐH; có thẩm quyền thành lập, giải thể, đặt tên, đổi tên cơ sở GDĐH; quy định tiêu chí bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; ban hành danh mục ngành đào tạo.

Chính quyền địa phương được giao quản lý nhà nước về GDĐH tại địa phương theo phân quyền, phân cấp.

Cơ sở GDĐH thực hiện quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trong các hoạt động chuyên môn, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản trong khuôn khổ pháp luật có liên quan.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

Ngay sau khi Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, Chính phủ sẽ giao các bộ, ngành liên quan chủ động chuẩn bị theo thẩm quyền đề trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, bảo đảm kịp thời, đồng bộ và đúng tiến độ triển khai các quy định của Luật trong thực tiễn.

2. Tuyên truyền, phổ biến Luật

Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung của Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) đến các cơ sở GDĐH, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, người học và các tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm các quy định của Luật được triển khai thống nhất, hiệu quả trong toàn hệ thống.

3. Bảo đảm nguồn lực thực hiện Luật

Bộ Tài chính hướng dẫn bố trí ngân sách; Bộ GDĐT phối hợp các cơ quan, địa phương triển khai hiệu quả các chính sách. Các bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Luật trên cơ sở sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có; bảo đảm không làm phát sinh thêm tổ chức bộ máy, biên chế và ngân sách chi thường xuyên, phù hợp với chủ trương tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức thực thi pháp luật.

4. Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành Luật

Chính phủ giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra việc triển khai thi hành Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các khó khăn,

vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, bảo đảm việc thực thi Luật đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trên toàn quốc.

5. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá và phản hồi

Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng hệ thống giám sát và phản hồi việc thực thi Luật theo hướng tích hợp dữ liệu, số hóa và công khai; tổ chức đánh giá định kỳ tác động thực tiễn của các chính sách trọng điểm trong Luật; đồng thời khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội, hiệp hội, doanh nghiệp và các bên liên quan trong giám sát quá trình thực thi, nhằm bảo đảm hiệu quả, minh bạch và khả năng điều chỉnh chính sách kịp thời.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi), Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến và quyết định.

Hồ sơ gửi kèm Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi); (2) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật hiện hành; (3) Báo cáo tiếp thu giải trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội; (4) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Giáo dục đại học hiện hành; (5) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan trong dự thảo luật; (6) Bản đánh giá về thủ tục hành chính, phân cấp phân quyền, đảm bảo bình đẳng giới, chính sách dân tộc; (7) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách của Luật; (8) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; (9) Các văn bản khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: GDĐT, TP;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ, Cục: PL, KTTH, TCCV, QHDP, KSTT;
- Lưu: VT, KGVX (2b). DND. 28



TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nguyễn Kim Sơn